

NGHIÊN CỨU TỔ CHỨC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP DỆT MAY TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

COST MANAGEMENT ACCOUNTING IN TEXTILE INDUSTRY:
A CASE STUDY OF TEXTILE FIRMS IN DANANG CITY

Nguyễn Thị Kim Ngọc

Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin, Đại học Đà Nẵng

Email: ntkngoc79@gmail.com

TÓM TẮT

Nhận thức được đầy đủ vai trò, bản chất và nội dung của KTQT, đặc biệt là kế toán quản trị chi phí và vận dụng vào thực tiễn sản xuất kinh doanh là một vấn đề bức thiết giúp cho các nhà quản trị có thể quản lý và điều hành có hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Bài viết đã nghiên cứu thực tế về kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp dệt may trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, trong đó chỉ tập trung ở các doanh nghiệp dệt may thuộc thành phần kinh tế Nhà nước trước đây đã được cổ phần hóa, cụ thể là Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 và Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ. Qua đó, bài viết đã đề xuất phương hướng và các giải pháp để xây dựng mô hình tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí có tính chất điển hình và suy rộng để vận dụng cho các doanh nghiệp dệt may khác trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng.

Từ khóa: doanh nghiệp dệt may Thành phố Đà Nẵng; kế toán quản trị chi phí; giải pháp; xây dựng mô hình tổ chức kế toán quản trị chi phí; hiệu quả

ABSTRACT

With full awareness of the roles, nature and contents of management accounting, cost management accounting and its application to practical work is especially an essential issue for managers to manage and conduct their enterprises' operation effectively in the market economy. This article deals with a research on the real cost management accounting of some Textile firms in Danang City, with a focus on the State Textile Companies which have been equitized before. This can be listed here as the March 29 Textile Garment Joint Stock Company and Hoatho Textile Garment Joint Stock Corporation. Some orientations and solutions to the construction of a model for cost management accounting and expansion of this model to manipulate to other Textile firms in Danang City are also suggested in this article.

Key words: Textile firms in Danang City; cost management accounting; solution; constructions of a model of cost management accounting; effectiveness

1. Đặt vấn đề

Kế toán quản trị (KTQT) là một bộ phận của hệ thống kế toán, cung cấp thông tin cho những nhà quản lý của doanh nghiệp thông qua các báo cáo kế toán nội bộ [1], [3], [6]. KTQT ra đời trong điều kiện nền kinh tế thị trường, nó được coi là loại kế toán dành riêng cho những người làm công tác quản lý kinh doanh, phục vụ cho các nhà quản trị ra các quyết định kinh doanh [2]. KTQT đang ở trong thời kỳ phát triển để đáp ứng với những thay đổi về kỹ thuật, toàn cầu hoá và những mối quan tâm ngày càng tăng đối với việc quản trị rủi ro. Tuy nhiên, thực tế tại các doanh nghiệp nói chung, các doanh nghiệp dệt may nói riêng hiện nay còn mờ nhạt và chưa

thực sự quan tâm đến KTQT, việc áp dụng KTQT và vai trò của KTQT còn chưa phổ biến và phát triển, chưa nhận thức được vị trí vai trò, chức năng và cách thức tổ chức KTQT trong doanh nghiệp.

Công nghiệp dệt may gắn liền với nhu cầu không thể thiếu được của mỗi con người. Ngành này thường được gắn liền với giai đoạn phát triển ban đầu của nền kinh tế và đóng vai trò chủ đạo trong quá trình công nghiệp hóa của nhiều nước. Công nghiệp dệt may là ngành sử dụng nhiều lao động, tạo nhiều công ăn việc làm, tăng thu lợi nhuận để làm tiền đề phát triển cho các ngành công nghiệp khác góp phần nâng cao mức sống và ổn định tình hình chính trị xã hội. Vì

vậy, mục tiêu và chiến lược phát triển ngành công nghiệp dệt may của Việt Nam đến năm 2015, định hướng chiến lược đến năm 2020 là phát triển ngành Dệt May trở thành một trong những ngành công nghiệp trọng điểm, mũi nhọn về xuất khẩu; đáp ứng ngày càng cao nhu cầu tiêu dùng trong nước; tạo nhiều việc làm cho xã hội; nâng cao khả năng cạnh tranh, hội nhập vững chắc kinh tế khu vực và thế giới. Sự cần thiết phải phát triển với tốc độ nhanh và quy mô lớn đã đặt ra yêu cầu cấp bách cho các doanh nghiệp dệt may phải tổ chức công tác KTQT để đáp ứng nhu cầu thiết yếu về thông tin quản lý điều hành doanh nghiệp, đặc biệt là KTQT chi phí nhằm kiểm soát tốt chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đáp ứng được vai trò là công cụ quản lý kinh tế trong thời kỳ mới. Do vậy, cần thiết phải có sự nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện tổ chức KTQT chi phí phù hợp với đặc thù hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp dệt may.

2. Cơ sở lý luận kế toán quản trị chi phí

2.1. Bản chất của kế toán quản trị chi phí

KTQT chi phí trước hết phải là kế toán chi phí, bao gồm việc tập hợp chi phí, phân loại, tính giá thành, phân tích chênh lệch chi phí trong kỳ để cung cấp thông tin KTQT [4]. KTQT chi phí nhấn mạnh đến việc dự báo của thông tin và trách nhiệm của các nhà quản trị các cấp (trong đó tập trung vào cấp quản trị cấp thấp như tổ, đội, phân xưởng sản xuất hay bộ phận quản lý và phục vụ - là nơi trực tiếp phát sinh chi phí) nhằm gắn trách nhiệm của các nhà quản trị với chi phí phát sinh qua hệ thống thông tin chi phí được cung cấp theo các trung tâm chi phí được hình thành trong đơn vị [3], [5].

2.2. Phân loại chi phí

Căn cứ vào mục đích sử dụng thông tin về chi phí trong công tác quản trị doanh nghiệp, chi phí sẽ được phân loại theo nhiều tiêu thức khác nhau: theo chức năng hoạt động, theo mối quan hệ giữa chi phí với lợi nhuận xác định từng kỳ, theo cách ứng xử của chi phí, các cách phân loại chi phí sử dụng trong kiểm tra và ra quyết định [6].

2.3. Tổ chức thu thập thông tin thực hiện liên quan đến chi phí

Để thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin thực hiện liên quan đến chi phí trong KTQT cần tổ chức tốt các nội dung: Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán và hạch toán ban đầu; tổ chức hệ thống tài khoản phục vụ KTQT, tổ chức hệ thống sổ KTQT và tổ chức hệ thống báo cáo KTQT [1], [6].

2.4. Lập dự toán chi phí trong doanh nghiệp sản xuất

Chi phí để sản xuất sản phẩm bao gồm 3 khoản mục: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung. Vì vậy, dự toán chi phí sản xuất phải thể hiện đầy đủ 3 loại chi phí này [6]. Trong đó, dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cần xác định dựa trên: định mức tiêu hao nguyên vật liệu để sản xuất một sản phẩm, đơn giá xuất nguyên vật liệu, mức độ dự trữ nguyên vật liệu trực tiếp vào cuối kỳ dự toán [6]. Khi lập dự toán chi phí nhân công trực tiếp, DN cần xây dựng: định mức lao động để sản xuất sản phẩm, tiền công cho từng giờ lao động hoặc từng sản phẩm nếu doanh nghiệp trả lương theo sản phẩm.

Dự toán chi phí sản xuất chung phải tính đến cách ứng xử chi phí để xây dựng mức phí dự toán hợp lý trong kỳ [6]. Dự toán giá thành sản phẩm có thể được lập theo phương pháp trực tiếp vì phương pháp này được sử dụng nhiều trong KTQT như: định giá sản phẩm, lập dự toán linh hoạt, lập báo cáo thu nhập theo số dư đảm phí, ứng dụng trong phân tích mối quan hệ chi phí, khối lượng và lợi nhuận, xác định sản lượng hòa vốn...

2.5. Phân tích thông tin chi phí phục vụ cho việc ra quyết định

KTQT tiến hành phân tích các thông tin đã thu thập để tư vấn cho các nhà quản trị phương án kinh doanh cho doanh nghiệp. Phân tích mối quan hệ chi phí - sản lượng - lợi nhuận là một kỹ thuật được sử dụng để đánh giá ảnh hưởng của những thay đổi về chi phí, giá bán và sản lượng đối với lợi nhuận của doanh nghiệp [2], [6]. KTQT chi phí cần phải giải thích những thay đổi của chi phí trong mối quan hệ chi phí -

khối lượng - lợi nhuận để có cách nhìn tốt hơn về sự biến động của chi phí, cung cấp thông tin hữu ích cho các nhà quản trị để đề ra các quyết định về giá bán sản phẩm, lựa chọn kết cấu sản phẩm hay thay đổi mức sản lượng tiêu thụ để đạt được mức lãi mong muốn.

2.6. Tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế về mô hình tổ chức công tác KTQT chi phí trong các DN

2.6.1. Tổ chức KTQT theo mô hình kết hợp

Tổ chức KTQT theo mô hình kết hợp được sử dụng ở hầu hết các nước, đặc biệt là ở Mỹ và các nước áp dụng kế toán Mỹ [8]. Mỹ là quốc gia có bề dày phát triển kế toán quản trị chi phí cả về lý luận và thực tiễn. Các doanh nghiệp Mỹ đều áp dụng mô hình kết hợp kế toán quản trị và kế toán tài chính, hoặc mô hình phối hợp với hệ thống KTQT chi phí được tách riêng. Theo mô hình này kế toán trưởng chịu trách nhiệm chung về toàn bộ công tác kế toán trong doanh nghiệp từ việc tổ chức xây dựng bộ máy kế toán, lưu chuyển chứng từ, vận dụng tài khoản, hệ thống báo cáo... nhằm cung cấp thông tin cho nhà quản trị. Các bộ phận kế toán có chức năng thu thập và cung cấp thông tin kế toán vừa tổng hợp, vừa chi tiết... đồng thời lập dự toán tổng hợp và chi tiết theo yêu cầu quản lý. Với mô hình này, KTQT đặt trọng tâm vào việc xây dựng, kiểm tra, xác định và hoạch định các chi phí trong hoạt động SXKD; khi đó doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong hai phương pháp xác định chi phí và giá thành sản phẩm: phương pháp kế toán chi phí, tính giá thành sản xuất theo công việc và phương pháp kế toán chi phí, tính giá thành theo quá trình sản xuất [8].

2.6.2. Tổ chức KTQT theo mô hình tách rời

Ở Cộng hòa Pháp và những nước thực hiện theo kế toán Cộng hòa Pháp tổ chức KTQT theo mô hình tách rời [8]. Hệ thống KTQT được tổ chức thành bộ máy riêng (phòng KTQT hay bộ phận KTQT) sử dụng hệ thống tài khoản kế toán, sổ kế toán và báo cáo kế toán nội bộ tách rời với KTTC. Theo mô hình này, KTQT đặt trọng tâm vào việc xác định và kiểm soát chi phí ở các doanh nghiệp, bằng cách chia chi phí theo các trung tâm trách nhiệm quản lý, phân tích đánh giá và tìm ra các nguyên nhân làm sai lệch

chi phí và cuối cùng điều hòa giữa KTTC với KTQT. KTTC thu nhập, xử lý, lập báo cáo tài chính cung cấp cho các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp; KTQT cung cấp những thông tin phục vụ cho mục tiêu QTDN [8].

3. Khái quát công tác KTQT chi phí trong các doanh nghiệp dệt may tại Thành phố Đà Nẵng

3.1. Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất

Các doanh nghiệp dệt may đều có quy trình công nghệ theo kiểu chế biến liên tục kế tiếp nhau theo một trình tự nhất định. Sản phẩm của giai đoạn trước là đối tượng chế biến của giai đoạn sau.

3.2. Phân loại chi phí sản xuất

Nhìn chung, công tác phân loại chi phí tại các doanh nghiệp dệt may chủ yếu phục vụ cho công tác báo cáo tài chính, phân loại chi phí theo chức năng hoạt động hoặc theo nội dung và tính chất của chi phí, chưa quan tâm đến phân loại chi phí phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp, công tác phân tích chi phí.

3.3. Kế toán chi tiết chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất của các doanh nghiệp dệt may gồm nhiều loại với công dụng kinh tế khác nhau. Hoạt động sản xuất ở các doanh nghiệp dệt may được tiến hành ở các phân xưởng, tổ sản xuất. Tùy theo cơ cấu, đặc điểm quy trình sản xuất, yêu cầu và trình độ quản lý của từng đơn vị mà đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có thể là toàn bộ quy trình công nghệ, từng giai đoạn công nghệ, từng sản phẩm hay từng đơn đặt hàng. Như tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ, đối tượng tập hợp chi phí là từng dây chuyền công nghệ hoặc đơn đặt hàng nhưng đối với Công ty Cổ phần Dệt may 29/3, đối tượng tập hợp chi phí là toàn bộ quy trình công nghệ. Đối tượng tính giá thành tại 2 doanh nghiệp này là sản phẩm hoàn thành.

Các doanh nghiệp dệt may đều căn cứ vào chứng từ phát sinh ban đầu để hạch toán trực tiếp vào TK 621, 622, 627. Sau đó, kế toán lấy số liệu ghi vào sổ chi tiết chi phí. Tóm lại, công tác hạch toán các khoản mục chi phí ở các doanh nghiệp dệt may đảm bảo thực hiện theo đúng

hình thức kế toán mà các doanh nghiệp đã vận dụng, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu quản trị doanh nghiệp do không tách biến phí và định phí khi tập hợp các khoản mục chi phí sản xuất chung.

3.4. Công tác lập dự toán chi phí

Tại các doanh nghiệp dệt may, căn cứ vào các yếu tố về định mức (kỹ thuật, tiêu hao nguyên vật liệu, nhân công, chi phí...), trên cơ sở nắm bắt tình hình tăng trưởng và nhu cầu của ngành đồng thời dựa trên sự biến động cung cầu, nhu cầu kinh doanh kết hợp với tình hình thực hiện của năm trước, phòng kế hoạch kinh doanh, phối hợp với phòng tài chính và kỹ thuật lập kế hoạch kinh doanh và dự toán chi phí cho năm tới.

3.5. Tổ chức phân tích thông tin chi phí

Các doanh nghiệp dệt may chỉ tiến hành phân tích các thông tin trong hệ thống các báo cáo tài chính, báo cáo tổng kết, chủ yếu quan tâm đến phân tích cơ cấu vốn, cơ cấu nợ ngắn hạn, tỷ suất lợi nhuận, bỏ qua việc phân tích thông tin dự đoán tương lai, không xác định và phân tích điểm hòa vốn, không ứng dụng mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận

4. Đánh giá thực trạng KTQT chi phí trong các doanh nghiệp dệt may Thành phố Đà Nẵng

4.1. Về phân loại chi phí

Chỉ tập trung phân loại và tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) theo khoản mục, yếu tố chi phí phục vụ cho yêu cầu tính giá thành sản phẩm và việc lập báo cáo chi phí sản xuất theo yếu tố trong thuyết minh báo cáo tài chính, chưa quan tâm đến việc phân loại chi phí SXKD theo yêu cầu kế hoạch, kiểm tra và ra quyết định kinh doanh.

4.2. Công tác kế toán chi phí

Kế toán chi phí ở các doanh nghiệp dệt may được tổ chức chủ yếu để phục vụ yêu cầu thông tin của kế toán tài chính. Việc hạch toán và cung cấp thông tin về chi phí chưa cho phép các nhà quản trị nắm đầy đủ được việc sử dụng chi phí phát sinh ở từng bộ phận, từng hoạt động... Đặc biệt, việc ứng xử chi phí trong mối quan hệ với mức độ hoạt động, công suất hoạt

động để lập kế hoạch và phân bổ chi phí, tính giá thành sản phẩm... ít được các doanh nghiệp này quan tâm.

4.3. Về xây dựng dự toán chi phí

Việc lập dự toán chi phí của các doanh nghiệp dệt may (DNDM) chủ yếu tập trung vào lập dự toán cho các khoản chi phí trực tiếp, chi phí sản xuất chung. Dự toán của các loại chi phí này chủ yếu được xây dựng dựa trên thống kê và ước tính. Các DN cũng chưa lập dự toán linh hoạt để có thể dự báo mức chi phí ở các mức hoạt động khác nhau giúp nhà quản trị linh hoạt trong việc đưa ra giá bán ở những tình huống khác nhau của quá trình sản xuất.

4.4. Hệ thống báo cáo bộ phận

Các báo cáo bộ phận nhìn chung chưa thiết lập một cách đầy đủ để phục vụ cho yêu cầu quản lý. Đối với báo cáo về chi phí nguyên vật liệu DN chưa tiến hành lập các bảng kê phân tích chi phí để có thể đánh giá chi phí phát sinh theo từng nhân tố ảnh hưởng một cách chính xác, từ đó có thể chỉ rõ nguyên nhân dẫn đến chi phí tăng hay giảm phục vụ yêu cầu kiểm soát của các cấp quản trị.

4.5. Về tổ chức phân tích thông tin để ra các quyết định kinh doanh ngắn hạn

Các DNDM Đà Nẵng chỉ tiến hành phân tích thông tin trên các báo cáo tài chính, chỉ thực hiện phương pháp so sánh để đánh giá mức độ biến động của chi phí, chưa khai thác được các kỹ thuật phân tích thông tin của KTQT để đánh giá nhân tố ảnh hưởng, không thực hiện phân tích điểm hòa vốn, phân tích mối quan hệ chi phí, khối lượng lợi nhuận, ứng dụng thông tin thích hợp cho việc ra quyết định sản xuất kinh doanh ngắn hạn, gây ra tình trạng thụ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.6. Tổ chức bộ máy kế toán để thu thập thông tin

Bộ máy kế toán của các DNDM Đà Nẵng được xây dựng theo mô hình kế toán theo hình thức tập trung, chưa có bộ phận KTQT riêng. Công tác KTQT ở các DN này chỉ mới dừng ở việc kế toán chi tiết để thu thập, xử lý và cung cấp thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý của DN.

Tóm lại, hệ thống kế toán chi phí hiện tại ở các DNĐM chỉ dừng ở việc thực hiện các yêu cầu của chế độ tài chính kế toán quy định đối với hệ thống KTTC.

5. Tổ chức hệ thống KTQT chi phí cho các DNĐM Đà Nẵng

5.1. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh phục vụ cho KTQT

Để có được các thông tin có giá trị làm cơ sở cho việc tổng hợp lập báo cáo sử dụng cho hoạt động quản trị thì việc đầu tiên đòi hỏi các doanh nghiệp phải phân biệt rõ ràng và nhận diện được các cách phân loại chi phí. Việc phân loại chi phí của doanh nghiệp là nhằm mục đích phục vụ cho quản trị hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp [1]. Trong đó, phân loại chi phí theo cách ứng xử giúp nhà quản lý trong việc lập kế hoạch, kiểm soát được sự biến động của từng chi phí và ra quyết định kinh doanh. Chính vì vậy, xét theo cách ứng xử, chi phí của doanh nghiệp được chia thành 3 loại: chi phí khả biến, chi phí bất biến và chi phí hỗn hợp [6]. Cụ thể, tại các DN dệt may Đà Nẵng cần phân loại chi phí như sau:

Chi phí khả biến gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chính là giá của các loại vải, bông thiên nhiên và xơ hóa học; nguyên vật liệu phụ là giá trị thực tế của các loại thuốc nhuộm, thuốc tẩy, kim, chỉ may và nhiên liệu là giá trị thực tế của xăng, dầu FO, dầu diesel... dùng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm; Chi phí nhân công trực tiếp gồm lương theo sản phẩm và các khoản trích theo lương của công nhân sản xuất theo quy định hiện hành, sự biến động của chi phí này tỷ lệ với sự biến động của chi phí tiền lương; Chi phí sản xuất chung: gồm tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý và phục vụ sản xuất, sự biến động của chi phí này luôn tỷ lệ với số lượng sản phẩm, chi phí vật liệu gồm vật liệu quản lý và phụ tùng thay thế như phốt dầu, dây cuaroa,... Các loại vật liệu này luôn phải thay thế theo mức độ hoạt động của máy.

* Chi phí bất biến: chi phí công cụ, dụng cụ như bàn ghế làm việc,... là những chi phí ổn định tương đối; chi phí khấu hao TSCĐ như chi phí khấu hao các loại máy móc thiết bị và nhà

xưởng được đầu tư cho một giai đoạn hoạt động nhất định, nếu không có mở rộng sản xuất thì chi phí khấu hao tương đối ổn định; chi phí khác bằng tiền gồm tiền nước uống, bồi dưỡng... các khoản chi phí này tương đối ổn định, ít thay đổi qua các thời kỳ.

* Chi phí hỗn hợp: chi phí hỗn hợp trong các doanh nghiệp dệt may là một phần nằm trong chi phí dịch vụ mua ngoài như: chi phí về điện, nước. Các chi phí này ổn định trong một mức độ hoạt động nhất định để duy trì hoạt động nhưng lại phụ thuộc vào sản lượng sản phẩm sản xuất nên được xếp vào chi phí hỗn hợp.

5.2. Tổ chức kế toán chi tiết chi phí

5.2.1. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán để tập hợp chi phí

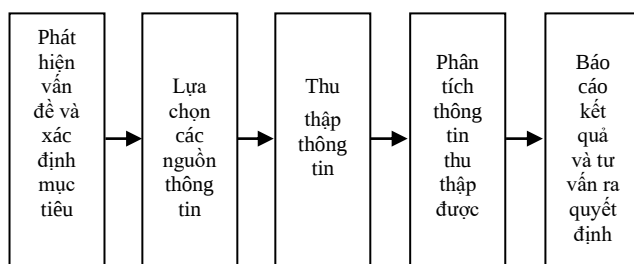
Trên cơ sở tài khoản do Bộ Tài chính ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các DNĐM cần xây dựng các tài khoản chi tiết để thu nhận và xử lý thông tin phục vụ cho việc ra quyết định trong quá trình sản xuất kinh doanh. Việc xây dựng hệ thống tài khoản chi tiết phục vụ yêu cầu quản trị doanh nghiệp cần phải dựa vào yêu cầu quản lý của doanh nghiệp như quản lý theo từng khoản mục chi phí, khoản mục giá thành một cách chi tiết cụ thể theo từng loại sản phẩm, từng đơn đặt hàng... Ngoài ra, để có thể phân loại và mã hóa các tài khoản chi phí theo cách ứng xử của từng yếu tố chi phí (định phí, biến phí) thì mã tài khoản của các tài khoản chi phí sẽ có dạng: XXX(X).Đ/B.Y(Z).TTT.

5.2.2. Xây dựng hệ thống báo cáo kiểm soát chi phí cung cấp thông tin cho yêu cầu quản trị

Doanh nghiệp cần xây dựng các báo cáo bộ phận: Bảng định mức chi phí nguyên vật liệu cho sản phẩm, bảng định mức chi phí nhân công, bảng dự toán chi phí sản xuất chung, báo cáo chi phí SXKD thực tế, báo cáo chi phí SXKD theo từng sản phẩm, đơn hàng. Trong việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật và dự toán quá trình sản xuất kinh doanh một cách khoa học, hợp lý, doanh nghiệp cần quan tâm đến việc phân tích kết quả trong mối quan hệ với chi phí bỏ ra, mọi sự sai lệch đều phải tìm nguyên nhân và bộ phận chịu trách nhiệm để có

biện pháp điều chỉnh hợp lý, kịp thời. Mọi trung tâm chức năng đều phải có trách nhiệm với chi phí chứ không chỉ có bộ phận kế toán. Sau đó, doanh nghiệp cần lập bảng đánh giá tình hình thực hiện định mức chi phí.

5.2.3. Tổ chức thu thập thông tin liên quan đến tương lai



Hình 1. Quy trình thu thập và xử lý thông tin thích hợp

Tùy theo nội dung thông tin cần thu thập, KTQT sử dụng những phương pháp thu thập khác nhau như: phương pháp quan sát, phương pháp thực nghiệm, phương pháp lấy ý kiến chuyên gia, thống kê, khảo sát...

5.3. Tổ chức phân tích thông tin chi phí

Đối với thông tin quá khứ: trên cơ sở số liệu chi tiết về chi phí, kế toán lập báo cáo phân tích chi phí thành biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp, sau đó lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cách ứng xử của chi phí. Từ đó, tiến hành phân tích điểm hòa vốn trong kinh doanh để xác định sản lượng hòa vốn và doanh thu hòa vốn, xây dựng công thức dự toán chi phí sản xuất kinh doanh nhằm giúp các DN xây dựng kế hoạch linh hoạt dự toán chi phí cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh khi có biến động của khối lượng tiêu thụ.

Đối với thông tin tương lai: trên cơ sở thông tin do bộ phận kế hoạch, bộ phận sản xuất cung cấp; KTQT đưa ra các phương án kinh doanh cho kỳ tới và tiến hành phân tích, lập báo cáo kết quả phân tích thông tin từ đó tư vấn cho nhà quản trị ra quyết định sản xuất kinh doanh.

5.4. Công tác lập dự toán chi phí

DN cần lập dự toán chi phí linh hoạt tạo điều kiện cho công tác lập kế hoạch của doanh nghiệp chủ động và có thể thực hiện trong thời

gian ngắn hạn, cung cấp thông tin về chi phí đơn vị dự toán nhanh chóng kịp thời.

5.5. Tổ chức sử dụng thông tin KTQT chi phí phục vụ cho việc ra quyết định

Vận dụng kỹ thuật phân tích mô hình CVP, phương pháp xác định điểm hòa vốn trong hoạt động kinh doanh để tổ chức hệ thống thông tin KTQT chi phí hỗ trợ cho việc ra quyết định. Trên cơ sở báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, DN có thể tính toán, phân tích chi phí trong mối quan hệ với sự thay đổi sản lượng và lợi nhuận, giúp các nhà quản lý của công ty có cơ sở để lựa chọn các quyết định kinh doanh như: xác định sản lượng và doanh thu hòa vốn; quyết định về sản lượng tiêu thụ với mức lợi nhuận mong muốn; lựa chọn phương án kinh doanh khi biến phí và sản lượng thay đổi.

5.6. Xây dựng mô hình tổ chức bộ máy KTQT, KTQT CPSX trong các DNĐM Đà Nẵng

Trong điều kiện hiện nay, với quy mô, đặc điểm và yêu cầu quản lý, các DNĐM Đà Nẵng nên theo mô hình kết hợp kế toán quản trị và kế toán tài chính trong cùng một hệ thống kế toán là phù hợp, bởi mô hình này cho phép kế thừa được những nội dung của kế toán tài chính đã tồn tại và biểu hiện cụ thể trong hệ thống kế toán hiện hành, việc tồn tại một hệ thống kế toán sẽ tiết kiệm được chi phí trong hạch toán kế toán, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

Ví dụ như bộ phận kế toán chi phí, giá thành sẽ chịu trách nhiệm ghi sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm theo từng sản phẩm... nhằm cung cấp thông tin tổng hợp cho lập các báo cáo tài chính và các chỉ tiêu chi phí giá thành. Đồng thời, bộ phận này sẽ căn cứ vào yêu cầu cụ thể quản lý để thực hiện các công việc sau đây: nhận diện và phân loại chi phí theo tiêu chuẩn phân loại phù hợp với yêu cầu của quản trị, lập dự toán chi phí SXKD theo từng hoạt động, sản phẩm, lập kế hoạch giá thành và giá bán sản phẩm, phân tích tình hình chi phí và giá thành để cung cấp số liệu để lập báo cáo KTQT về các chỉ tiêu liên quan đến chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm và kiểm soát chi phí và giá thành bằng cách lập các báo cáo bộ phận.

Việc áp dụng mô hình này tại các doanh nghiệp dệt may là hoàn toàn phù hợp khi mà ở các doanh nghiệp này, hệ thống tài khoản KTTC và KTQT vẫn chưa được tách biệt. Với mô hình kết hợp kế toán quản trị và kế toán tài chính đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp dệt may bước đầu triển khai công tác KTQT nói chung và công tác KTQT chi phí trên cơ sở hệ thống KTTC của đơn vị.

6. Kết luận

Trên cơ sở đánh giá thực trạng công tác KTQT chi phí tại các doanh nghiệp dệt may trên

địa bàn thành phố Đà Nẵng trong đó tác giả đi sâu nghiên cứu và đề cập vấn đề kế toán quản trị chi phí ở Công ty cổ phần dệt may 29/3 và Tổng công ty cổ phần dệt may Hòa Thọ, kết hợp với kinh nghiệm tổ chức KTQT chi phí của một số nước trên thế giới, bài viết đã đưa ra những giải pháp để tổ chức KTQT chi phí tại các doanh nghiệp dệt may điển hình này từ đó suy rộng để vận dụng cho các doanh nghiệp dệt may khác. Tùy thuộc vào quy mô, đặc điểm của từng doanh nghiệp mà lựa chọn nội dung tổ chức kế toán quản trị chi phí cho phù hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Tài chính (2006), Thông tư số 53/2006 TT/BTC Hướng dẫn áp dụng kế toán quản trị trong doanh nghiệp, Hà Nội.
- [2] TS Phạm Văn Dược, Đặng Kim Cương (2000), *Kế toán quản trị và phân tích kinh doanh*, NXB Thống kê.
- [3] Th.S Huỳnh Lợi, *Kế toán quản trị*, NXB Thống kê.
- [4] TS. Võ Văn Nhị (2003), *Kế toán quản trị*, NXB Thống kê.
- [5] PGS.TS Nguyễn Minh Phương (2002), *Giáo trình kế toán quản trị*, NXB Lao động – Xã hội.
- [6] PGS.TS Trương Bá Thanh (2008), *Giáo trình kế toán quản trị*, NXB Giáo dục.
- [7] Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2006
- [8] Nguyễn Thị Kim Ngọc, (2008), *Kế toán quản trị doanh thu, chi phí tại các doanh nghiệp dệt may trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng*, Luận văn thạc sỹ, Đại học Đà Nẵng.

(BBT nhận bài: 26/09/2013, phản biện xong: 25/10/2013)